

Số: 4100 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Hội nghị thành phố Hà Nội
thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-VPCP ngày 02/5/2022 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4099/QĐ-UBND ngày 08 /8 /2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức lại Nhà khách Ủy ban Thành phố thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành Trung tâm Hội nghị thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 27/TTr-VP ngày 17/7/2024 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2601/TTr-SNV ngày 30/7/2024 về việc tổ chức lại Nhà khách Ủy ban Thành phố thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thành Trung tâm Hội nghị thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Vị trí:

Trung tâm Hội nghị thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Trung tâm Hội nghị Thành phố) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động và giao dịch theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Hội nghị Thành phố chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng Ủy

ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về hoạt động của Trung tâm.

2. Chức năng:

Trung tâm Hội nghị Thành phố có chức năng giúp Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức đón tiếp, phục vụ hội nghị, hội thảo, ăn uống, lưu trú cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Thành phố; các đoàn công tác quốc tế; tổ chức các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phục vụ nhu cầu hội họp, ăn uống, lưu trú và các dịch vụ khác cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân theo quy định của pháp luật cũng như đảm bảo mọi hoạt động chung của Trung tâm Hội nghị Thành phố.

b) Tổ chức phục vụ các sự kiện chính trị của Thành phố; Tổ chức đón tiếp, phục vụ hội nghị, hội thảo, ăn uống, lưu trú cho khách Trung ương, Bộ, ban, ngành và các địa phương khác theo kế hoạch hoặc theo sự chỉ đạo của cấp trên.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Chủ động xây dựng các phương án kinh doanh, dịch vụ, tìm kiếm, phát triển thị trường, sử dụng các hình thức quảng cáo, ký kết các hợp đồng kinh tế theo quy định của pháp luật.

2. Được sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật, lao động để hoạt động kinh doanh, dịch vụ có thu theo quy chế quản lý tài chính phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

a) Phục vụ ăn, nghỉ, tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo cho các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

b) Tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch trong phạm vi cả nước.

c) Kinh doanh các mặt hàng: đồ uống (bao gồm đồ uống có cồn, trừ các loại Nhà nước cấm), lưu niệm, văn hoá phẩm, thời trang, sản phẩm OCOP và các nhu yếu phẩm khác theo quy định của pháp luật.

d) Kinh doanh phòng tập thể thao, bể bơi, karaoke, vật lý trị liệu, quầy bar, gội đầu, cắt tóc, giặt là,...

đ) Đại lý bán vé máy bay, vé tàu xe; phiên dịch; dịch vụ cho thuê ô tô, xe máy; trông giữ xe ô tô, xe máy.

e) Cho thuê phòng lưu trú, phòng họp, hội nghị, hội thảo, hội trường, tiệc cưới, triển lãm, sự kiện ngoài trời, mặt bằng kinh doanh,...

g) Tổ chức các sự kiện, hoạt động văn nghệ, thể thao phục vụ khách, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm và cơ quan Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

h) Liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức phục vụ các sự kiện, hội nghị, hội thảo, phục vụ ăn, nghỉ cho các đại biểu trong nước, quốc tế làm việc với Thành phố; các sự kiện, hội nghị khác theo yêu cầu.

4. Thực hiện nhiệm vụ lễ tân, hậu cần tại trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố.
5. Cung cấp dịch vụ công theo cơ chế đặt hàng theo quy định, phục vụ các cơ quan, đơn vị khi có nhu cầu.
6. Được vay vốn của các tổ chức tín dụng, huy động vốn của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật để đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ và tự chịu trách nhiệm trả nợ vay theo quy định.
7. Mở chi nhánh ở các địa phương trong và ngoài Thành phố theo quy định.
8. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, nhân sự và thực hiện các chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.
9. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao và các nguồn lực, nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.
10. Bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, phòng, chống cháy nổ, lụt bão, an toàn tài sản của Nhà nước; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho viên chức, người lao động.
11. Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí tại Trung tâm theo quy định của pháp luật.
12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo đơn vị:

a) Trung tâm Hội nghị thành phố Hà Nội có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

b) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

c) Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, chỉ đạo một hoặc một số mặt công tác theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Khi Giám đốc Trung tâm vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm.

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm và các viên chức quản lý khác thực hiện theo quy định của pháp luật và theo tiêu chuẩn chức danh, quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị;

b) Phòng Kinh doanh.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng. Số lượng người làm việc tối thiểu, số lượng cấp phó thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 4. Biên chế sự nghiệp

Số lượng người làm việc, chỉ tiêu hợp đồng lao động của Trung tâm Hội nghị Thành phố được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Trung tâm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trung tâm Hội nghị Thành phố có trách nhiệm xây dựng Đề án tự chủ về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, căn cứ mức độ, tính chất công việc, nguồn kinh phí tự đảm bảo của đơn vị theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Trung tâm có thể ký các hợp đồng lao động, hợp đồng thuê, khoán công việc theo quy định để hoàn thành nhiệm vụ được giao trong từng thời điểm cụ thể.

Điều 5. Cơ chế tài chính

Trung tâm Hội nghị Thành phố thực hiện cơ chế tài chính theo quy định hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trái với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội;
- VPUBTP: Các PCVP, HCQT, TH, NC;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, SNV_(05 bản).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Sơn